

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 07/4/2023.
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Hạ Uyên.

Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: anh Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07/4/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 679/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Như Q, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Anh Đặng Thành C, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp BS, xã BT, thành phố L, tỉnh ĐN.

(các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Như Q trình bày:

Chị Q và anh Đặng Thành C tự nguyện kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã BS, thành phố L, tỉnh ĐN. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bản thân chị có nhiều việc không bàn bạc với chồng mà tự ý giải quyết, do nhiều việc hiểu lầm nên anh C đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Sau đó chị có quay về xin hòa giải nhưng anh C không đồng ý, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Thành C vì thực tế hai vợ chồng đã không còn chung sống, không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc Thiên A, sinh ngày 28/7/2010 và cháu Đặng Ngọc Gia H, sinh ngày 01/02/2017. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Gia H, giao cháu Thiên A cho anh C nuôi vì từ khi ly thân đến nay, cháu H sống với mẹ và cháu A sống với cha.

Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng và chị cũng không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2022, bị đơn anh Đặng Thành C trình bày:

Khoảng năm 2011 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô Q vay nợ nần rất nhiều buộc tôi phải trả, tôi cũng không biết cô Q vay tiền để làm gì. Ngoài ra cô Q còn đi chơi về rất khuya, khi tôi hỏi cô không trả lời được, tôi còn đọc được rất nhiều tin nhắn không đứng đắn với những người đàn ông khác, cô không chăm sóc gì cho con mà chỉ một mình tôi lo. Tôi nóng giận có đánh cô Q vài lần, đỉnh điểm là vào đầu tháng 11/2021 cô Q lại bỏ nhà đi chơi đến khuya không chăm sóc gì cho con cái nên tôi nóng giận đã đánh và đuổi cô đi, vợ chồng ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay cháu Đặng Ngọc Thiên A ở với tôi, cháu Đặng Ngọc Gia H ở với cô Q. Cô Q chưa lần nào về thăm con. Ngay cả việc chăm sóc bé Gia H hàng ngày như nấu cơm, đưa rước đi học đều là tôi làm, chỉ có buổi tối mới về ngủ với mẹ ở nhà bà ngoại.

Hiện nay tôi không còn tình cảm với cô Q và không muốn hàn gắn vợ chồng nhưng tôi không đồng ý ly hôn vì tôi là đạo Thiên chúa.

Về con chung: tôi yêu cầu được nuôi cháu Thiên A, giao cháu Gia H cho cô Q nuôi, không ai cấp dưỡng.

** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được công khai theo đúng quy định pháp luật.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo. Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử. Bị đơn chỉ có 1 lời khai tại tòa án và đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện.

- Về việc giải quyết vụ án:

Chị Q và anh C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 09/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã BS, thị xã L (nay là phường BS, thành phố L), tỉnh ĐN. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 thì hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2021 đến nay. Nay chị Q yêu cầu được ly hôn với anh C, anh C cũng thừa nhận không còn tình cảm với chị Q nhưng vì theo đạo Thiên chúa nên không được phép đồng ý. Như vậy có thể thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Hiện nay cháu H đang ở với chị Q còn cháu A đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị Q và anh C đều thống nhất để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, còn anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận này.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q và anh C.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Phạm Thị Như Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Đặng Thành C. Do anh C có địa chỉ cư trú hiện nay tại xã BT, thành phố L, tỉnh ĐN nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Đặng Thành C tự nguyện kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã BS, thành phố L, tỉnh ĐN, được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: cả chị Q và anh C đều xác định vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Theo chị Q một phần nguyên nhân là do bản thân chị tự ý quyết định mọi việc mà không bàn bạc với chồng, dẫn đến vợ chồng cãi vã, anh C đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà, mặc dù chị có quay về xin hòa giải nhưng anh không đồng ý. Lời khai này của chị Q được anh C thừa nhận. Bản thân anh C cũng không muốn hàn gắn với chị Q. Anh chị thống nhất vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2021 đến nay.

Như vậy, có thể xác định quan hệ hôn nhân của chị Q và anh C đã mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Q yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Q có yêu cầu được nuôi nuôi cháu Gia H, giao cháu Thiên A cho anh C nuôi vì từ khi ly thân đến nay, cháu H sống với mẹ và cháu A sống với cha. Xét yêu cầu này của chị Q nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu anh Đặng Thành C đưa cháu Thiên A đến Tòa án để lấy lời khai về nguyện vọng của cháu, nhưng anh C không thực hiện, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay, cháu Thiên A ở với anh C, cháu Gia H ở với mẹ. Yêu cầu của chị Q cũng phù hợp với ý kiến của anh C, nên chấp nhận yêu cầu của chị Q,

giao cháu Đặng Ngọc Thiên A, sinh ngày 28/7/2010 cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Ngọc Gia H, sinh ngày 01/02/2017 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị Q và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

[3.4] *Nợ chung*: đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 228, 266, 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Phạm Thị Như Q.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Như Q được ly hôn anh Đặng Thành C.

- *Về con chung*: Giao cháu Đặng Ngọc Thiên A, sinh ngày 28/7/2010 cho anh Đặng Thành C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Ngọc Gia H, sinh ngày 01/02/2017 cho chị Phạm Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng,

Tạm thời chị Q, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh C và chị Q được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh C, chị Q được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Như Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0006259 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Vân Khánh

[6] Về chi phí tố tụng: ngày 27/9/2018 nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 6.000.000 đồng tại Tòa án, nộp 3.000.000 đồng tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh. Ngày 09/7/2019 nguyên đơn nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (lần 2) số tiền 5.000.000 đồng. Tòa án đã trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.005.000 đồng. Như vậy tổng số tiền nguyên đơn đã nộp là: 11.195.000 đồng.

Ngày 03/7/2019 bị đơn (do bà Nguyễn Thị Kim Trang nộp thay) nộp số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tòa án đã trả cho bị đơn 200.000 đồng. Như vậy, số tiền bị đơn đã nộp là 4.800.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Tuy nhiên, do bị đơn không yêu cầu hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên không đặt ra xem xét. Các đương sự đã nộp xong.